TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 127/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 29-5-2026
V/v tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Ngọc Huyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Trọng Tâm

2. Ông Ngô Hoàng Sơn

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Đình Chưởng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Cà Mau.

Ngày 29 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 151/2026/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2026 về việc "Tranh chấp xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1303/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Mỷ D, sinh ngày 28/6/2001 (Có mặt).

CCCD số: 0, Cục CSQLHC về trật tự xã hội cấp ngày 05/8/2022.

Địa chỉ: Nhà không số, ấp M, xã Đ, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Ông Thái Hoàng T, sinh ngày 02/3/1998 (Vắng mặt).

CCCD số: 1, Cục CSQLHC về trật tự xã hội cấp ngày 05/8/2022.

Địa chỉ: Nhà không số, khóm G, phường H, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/3/2026 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là bà Trần Mỷ D trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Thái Hoàng T tự nguyện kết hôn, có tổ chức kết hôn và có đăng ký kết tại Ủy ban nhân dân xã Định Thành, tỉnh Cà Mau vào ngày 14/7/2025. Thời gian đầu bà và ông T chung sống hạnh phúc, thời gian sau thì phát

sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông T ăn nhậu, chơi bời, không lo làm ăn, bỏ mặc vợ con; khoảng tháng 8/2025 thì ông T bỏ nhà đi để lại con một mình bả nuôi dưỡng, chăm sóc; gia đình hai bên đã hòa giải hàn gắn nhiều lần nhưng không thành. Nay, xét thấy tình cảm vợ chồng giữa bà và ông T không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn để tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Thái Hoàng T.

Về con chung: Trong thời gian chung sống bà và ông Thái Hoàng T có một người con chung tên Thái Trọng Ph, sinh ngày 30/9/2021; hiện con đang sống cùng bà. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con; bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Trong thời gian chung sống bà và ông Thái Hoàng T không có tài sản chung nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ thu, nợ trả: Trong thời gian chung sống bà và ông Thái Hoàng T không có nợ ai và cũng không có ai nợ vợ chồng ông bà, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn là ông Thái Hoàng T được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, đã hết thời hạn theo quy định pháp luật mà ông T không có văn bản trình bày ý kiến của mình về yêu cầu ly hôn của bà Trần Mỷ D. Đồng thời, Tòa án cũng đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn là ông Thái Hoàng T vắng mặt không lý do nên không nghe được ý kiến của ông T về yêu cầu ly hôn của bà D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Quan hệ tranh chấp giữa bà Trần Mỷ D và ông Thái Hoàng T là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc "Xin ly hôn", bị đơn có nơi cư trú tại Khóm G, phường H, tỉnh Cà Mau nên Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân khu vực 1 - Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn là ông Thái Hoàng T vắng mặt không lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Mỷ D và ông Thái Hoàng T tự nguyện tiến đến hôn nhân, căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân xã Định Thành, tỉnh Cà Mau ký vào ngày 14/7/2025 nên đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà D và ông T là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Theo bà D trình bày thì thời gian đầu bà và ông T chung sống hạnh phúc, thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông T ăn nhậu, chơi bời, không lo làm ăn, bỏ mặc vợ con; khoảng tháng 8/2025 thì ông T bỏ nhà đi để lại con một mình bả nuôi dưỡng, chăm sóc; gia đình hai bên đã hòa giải hàn gắn nhiều lần nhưng không thành; nay xét thấy tình cảm vợ chồng giữa bà và ông T không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn để tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Thái Hoàng T. Đối với ông Thái Hoàng T, trong quá trình tố tụng ông T đã nhận biết được thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập của Tòa án nhưng ông T không đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của bà Trần Mỷ D, như vậy ông T đã từ bỏ quyền chứng minh của mình theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, đồng thời không có thiện chí hàn gắn cuộc hôn nhân đối với bà D. Xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa bà Trần Mỷ D và ông Thái Hoàng T đã không còn, bà D cương quyết ly hôn, ông T biết được sự việc nhưng không có thiện chí hàn gắn, cả hai đã không còn chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 8/2025 cho đến nay, bỏ mặc không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, điều này cho thấy hôn nhân giữa bà D và ông T đã không còn hạnh phúc và đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được; do đó, yêu cầu xin ly hôn của bà D là có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Theo bà Trần Mỷ D trình bày thì trong thời gian chung sống bà và ông Thái Hoàng T có một người con chung tên Thái Trọng Ph, sinh ngày 30/9/2021; hiện con đang sống cùng bà D. Xét thấy cháu Ph còn nhỏ và hiện nay đang sống ổn định cùng bà D; bà Dn yêu cầu được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Ph cho đến khi cháu Ph đủ 18 tuổi, ông T không có ý kiến gì, do đó Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Ph cho bà D tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu Ph đủ 18 tuổi.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Trần Mỷ D không yêu cầu ông Thái Hoàng T cấp dưỡng nuôi con, ông T không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về tài sản chung: Theo bà Trần Mỷ D trình bày thì trong thời gian chung sống bà và ông Thái Hoàng T không có tài sản chung, bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông T không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về nợ thu, nợ trả: Theo bà Trần Mỷ D trình bày thì trong thời gian chung sống bà và ông Thái Hoàng T không có nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng ông bà, bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông T không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 28, 35, 39, 91, 147, 227, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Mỷ D. Bà Trần Mỷ D được ly hôn với ông Thái Hoàng T.
- Về con chung: Giao con chung tên Thái Trọng Ph, sinh ngày 30/9/2021 cho bà Trần Mỷ D tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Ông Thái Hoàng T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng quyền thăm con để gây cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của bà Trần Mỷ D.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.
- Về tài sản chung: Đương sự trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về nợ thu, nợ trả: Đương sự trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Trần Mỷ D phải chịu là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được đối trừ số tiền tạm ứng án phí bà D đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 00003103 ngày 26 tháng 3 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau, sau khi đối trừ bà D đã nộp đủ.

Bà Trần Mỷ D có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Thái Hoàng T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể ngày nhận được Bản án hoặc từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 1 - Cà Mau;
- THADS tỉnh Cà Mau;
- UBND xã Định Thành, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Ngọc Huyền